

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2026

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương
2. Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Hồng Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Bùi Đình Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Tố Q, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre, nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Đặng Văn Hoàng T2, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: ấp Hội Thành, xã Mỏ Cà, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Q trình bày:

Bà và ông Đặng Văn Hoàng T2 tự nguyện kết hôn vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 10/01/2020. Sau khi kết hôn, bà và ông T2 sống tại nhà của gia đình chồng tại xã T, huyện M, nay là xã Mỏ Cà, tỉnh Vĩnh Long, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Do đó, bà yêu cầu ly hôn ông

T2.

Về con chung: bà và ông T2 có 01 con chung là Đặng Hoàng Tố A, sinh ngày 13/7/2020 đang sống với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà và ông T2 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc và điều kiện đi lại khó khăn nên bà không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà có đơn xin vắng mặt tại Tòa án và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông Đặng Văn Hoàng T2 đến để tiến hành hòa giải nhưng ông T2 vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tố Q khởi kiện ông Đặng Văn Hoàng T2 yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Văn Hoàng T2 là bị đơn cư trú tại xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

Bà Nguyễn Thị Tố Q có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Văn Hoàng T2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T2 vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Tố Q và ông Đặng Văn Hoàng T2 kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã T,

huyện M, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/01/2020, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà Q cho rằng sau khi kết hôn, bà Q và ông T2 sống tại nhà của gia đình chồng tại xã T, huyện M, nay là xã Mỹ Cày, tỉnh Vĩnh Long, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông T2 để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T2 vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q thể hiện ông không muốn hàn gắn tình cảm với bà Q. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà Q và ông T2 là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tố Q.

[2.2] Về con chung: bà Q và ông Đặng Văn Hoàng T2 có 01 con chung là Đặng Hoàng Tố A, sinh ngày 13/7/2020. Bà Q trình bày, hiện tại con chung đang ở cùng với bà Q nên sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung Đặng Hoàng Tố A đang sống cùng với bà Q, ông T2 không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của bà Q, giao con chung là Đặng Hoàng Tố A, sinh ngày 13/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Tố Q tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Q không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Tố Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Tố Q phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Q đối với bị đơn ông Đặng Văn Hoàng T2, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Tố Q được ly hôn ông Đặng Văn Hoàng T2.

2. Về con chung: giao con chung là Đặng Hoàng Tố A, sinh ngày 13/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Tố Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đặng Văn Hoàng T2 không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đặng Văn Hoàng T2 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Tố Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Tố Q phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003784 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Tố Q và ông Đặng Văn Hoàng T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Mô Cày, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trục